

HƯỚNG DẪN

Sử dụng cổng thông tin – trang cá nhân của sinh viên

1. Cổng thông tin sinh viên: Sinh viên truy cập cổng thông tin <https://sinhvien.tnus.edu.vn/> cung cấp toàn bộ các thông tin liên quan đến quá trình học tập rèn luyện của sinh viên trong suốt quá trình theo học tại trường.

- Chương trình đào tạo
- Tra cứu văn bằng chứng chỉ
- Tham gia khảo sát
- Các thông báo của nhà trường
- Các biểu mẫu, tài liệu dành cho sinh viên
- Thông tin về nội quy, quy chế đào tạo, công tác HSSV

The screenshot displays the student portal interface. At the top, there's a navigation bar with links: TRANG CHỦ, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐĂNG KÍ, THÔNG TIN CÁ NHÂN, TÀI CHÍNH, BỘ PHẬN 1 CỬA, TRA CỨU, KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ, and ĐĂNG NHẬP. Below this, the 'Cổng thông tin của trường' (School Information Portal) is shown. It features several sections: 'THÔNG BÁO' (Announcements) with four items including exam schedules and evaluation results; 'BIỂU MẪU SINH VIÊN' (Student Forms) with a list of forms for registration, application, and exam results; 'TÀI LIỆU' (Documents) with a list of documents; and 'VĂN BẢN/QUYẾT ĐỊNH/QUY CHẾ' (Regulations/Decisions/Regulations) with a list of regulations and decisions. Each section includes a 'Xem tất cả' (View all) link.

2. Trang cá nhân sinh viên:

Các bước thực hiện:

- Sinh viên truy cập cổng thông tin , chọn mục đăng nhập

THÔNG BÁO		
	Thông báo nghỉ Lễ 02/9.	21/08/2024
	Thông báo vv hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp học kỳ I, năm học 2024-2025	16/08/2024
	Về việc tổ chức đánh giá điểm rèn luyện học kỳ II năm học 2023 - 2024 đối với sinh viên Khóa 19, 20, 21	16/08/2024
	Thời khóa biểu HK1 năm học 2024 - 2025, K22.	09/08/2024
Xem tất cả		
BIỂU MẪU SINH VIÊN		
Mẫu kê khai làm lại thẻ Sinh viên (Hệ chính quy)		20/08/2024
Mẫu đơn xin cứu xét xử lý học vụ bước thời học.		09/08/2024
13. Đơn xin thi lại_KT13		07/06/2024
11. Đơn xin phúc khảo bài thi_KT04		07/06/2024
4. Đơn đề nghị KT kết quả học tập_KT09		07/06/2024
Xem tất cả		
VĂN BẢN/QUYẾT ĐỊNH/QUY CHẾ		
QĐ 269 Vv ban hành QĐ Thi, KT theo HTTC		15/08/2024
Quyết định ban hành Quy định học cùng lúc hai chương trình đại học tại ĐHTN		16/08/2023
QUYẾT ĐỊNH SỐ 1314/QĐ-ĐHKH VV BAN HÀNH "QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TIN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC"		
TÀI LIỆU		
+ 2022		
Xem tất cả		
THÔNG TIN HƯỚNG DẪN		
Hướng dẫn sinh viên nhập điểm rèn luyện		24/09/2022
Hướng dẫn sinh viên đăng ký học trên hệ thống		24/09/2022
Xem tất cả		

- Tên đăng nhập và mật khẩu là ***mã sinh viên đã được cấp***



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
THAI NGUYEN UNIVERSITY OF SCIENCES

Hướng dẫn sử dụng

1. Truy cập vào link: <https://sinhvien.tnust.edu.vn/>
2. Chọn đối tượng và đăng nhập với tài khoản được cấp
3. Các chức năng chính:
 - Thông tin chương trình đào tạo
 - Thông tin cá nhân
 - Thông tin điểm
 - Thông tin lịch học
 - Thông tin tài chính
 - Khảo sát đánh giá

Hotline: 0912.681.066

CỔNG THÔNG TIN SINH VIÊN

Sinh viên

DTZ1957320101001

Đăng nhập

Quên mật khẩu

THÔNG BÁO

Thông báo nghỉ Lễ 02/9.

📅 21/08/2024

Thông báo vv hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp học kỳ I, năm học 2024-2025

📅 16/08/2024

Về việc tổ chức đánh giá điểm rèn luyện học kỳ II năm học 2023 - 2024 đối với sinh viên Khóa 19, 20, 21

📅 16/08/2024

Thời khóa biểu HK1 năm học 2024 - 2025, K22.

📅 09/08/2024

Xem tất cả

BIỂU MẪU SINH VIÊN

Mẫu kê khai làm lại thẻ Sinh viên (Hệ chính quy)

📅 20/08/2024

Mẫu đơn xin cứu xét xử lý học vụ buộc thôi học.

📅 09/08/2024

13. Đơn xin thi lại_KT13

📅 07/06/2024

11. Đơn xin phúc khảo bài thi_KT04

📅 07/06/2024

4. Đơn đề nghị KT kết quả học tập_KT09

📅 07/06/2024

Xem tất cả

Chào mừng quý vị đến với Cổng thông tin của trường

TÀI LIỆU

+ 2022

Xem tất cả

THÔNG TIN HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn sinh viên nhập điểm rèn luyện

📅 24/09/2022

Hướng dẫn sinh viên đăng ký học trên hệ thống

📅 24/09/2022

Xem tất cả

2.1. Chương trình đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

TRANG CHỦ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ĐĂNG KÍ

THÔNG TIN CÁ NHÂN

TÀI CHÍNH

BỘ PHẬN 1 CỬA

TRA CỨU

KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ

Chương trình đào tạo toàn trường

Đại học chính quy

Khóa học: 12

Khóa học: 13

Khóa học: 14

Khóa học: 15

Khóa học: 16

Khóa học: 17

Khóa học: 18

Khóa học: 19

Khóa học: 20

Khóa học: 21

Khóa học: 22

Vừa học vừa làm

Văn Bằng 2 VLVH

Liên thông CQ

LT Trung Cấp lên ĐH (VLVH)

LT Cao Đẳng lên ĐH (VLVH)

Tiến sĩ

Thạc sĩ

VB2 Chính Quy

Số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy để tốt nghiệp: **145**

Tìm theo ký hiệu, tên môn...

Kỳ thứ	Mã học phần	Tên học phần	Elearning	Môn tự chọn	Số tín chỉ
1	PHE131	Giáo dục thể chất 1			1
	CTO332	Kỹ năng giao tiếp			3
	ENG141	Tiếng Anh 1			4
	GIF131	Tin học đại cương			3
	MLT131	Triết học Mác - Lênin			3
	MCI152	Lý luận nhà nước và pháp luật			5
2	PHE132	Giáo dục thể chất 2			1
	EIM121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin			2
	LOG223	Logic học			2
	ADL331	Luật Hành chính			3
	CNL341	Luật Hiến pháp			4
	ENG132	Tiếng Anh 2			3
	LJP231	Tâm lý học tư pháp		Nhóm 1	3
	HKM221	Chủ nghĩa xã hội khoa học			2
	PHE133	Giáo dục thể chất 3			1

TRANG CHỦ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ĐĂNG KÍ

THÔNG TIN CÁ NHÂN

TÀI CHÍNH

BỘ PHẬN 1 CỬA

TRA CỨU

KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ

Học lớp: Báo Chí K17

Chương trình đào tạo toàn trường

Đại học chính quy

Khóa học: 12

Khóa học: 13

Khóa học: 14

Khóa học: 15

Khóa học: 16

Khóa học: 17

Khóa học: 18

Khóa học: 19

Khóa học: 20

Khóa học: 21

Khóa học: 22

Vừa học vừa làm

Văn Bằng 2 VLVH

Liên thông CQ

LT Trung Cấp lên ĐH (VLVH)

LT Cao Đẳng lên ĐH (VLVH)

Tiến sĩ

Thạc sĩ

VB2 Chính Quy

Số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy để tốt nghiệp: **152**

Tìm theo ký hiệu, tên môn...

Tìm kiếm

Kỳ thứ	Mã học phần	Tên học phần	Elearning	Môn tự chọn	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Chi tiết
1	PHE131	Giáo dục thể chất 1			1	30	...
	PNG131	Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản			3	45	...
	ENG241	Tiếng Anh 1A			4	60	...
	CHE241	Tiếng Trung 1			4	60	...
	MLT131	Triết học Mác - Lênin			3	45	...
	QIN221	Luyện âm tiếng Anh		Nhóm 2	2	30	...
	FJS131	Từ vựng tiếng Anh		Nhóm 2	3	45	...
2	PHE132	Giáo dục thể chất 2			1	30	...
	EIM121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin			2	30	...
	LIV322	Pháp luật đại cương			2	30	...
	ENG143	Tiếng Anh 1B			4	60	...
	CHE232	Tiếng Trung 2			3	45	...
	GIF131	Tin học đại cương			3	60	...
	FJK131	Tiếng Anh giao tiếp		Nhóm 2	3	45	...
	FJJ241	Ngữ pháp tiếng Trung		Nhóm 3	4	60	...
	HKM221	Chủ nghĩa xã hội khoa học			2	30	...
	PHE133	Giáo dục thể chất 3			1	30	...
	SWO332	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh			3	45	...
	ENG242	Tiếng Anh 2A			4	60	...

Mục chương trình đào tạo sẽ cung cấp đầy đủ để sinh viên nắm rõ các thông tin từ khóa học, ngành đào tạo và chi tiết toàn bộ các môn học của ngành sinh viên theo học .

2.2. Thông tin cá nhân của sinh viên

The screenshot displays the 'TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC' (University of Thai Nguyen Faculty of Science) portal. The 'THÔNG TIN CÁ NHÂN' (Personal Information) menu is highlighted, with red arrows pointing to the following options:

- Hồ sơ cá nhân (Personal Profile)
- Kết quả học tập (Academic Results)
- Điểm rèn luyện (Discipline Points)
- Thông tin lịch học (Class Schedule)
- Lịch thi sinh viên (Student Exam Schedule)
- Thông tin nội/ngoại trú (On/Off-Campus Information)
- Kê khai tiêm Vaccin (Vaccination Declaration)

The background shows a list of announcements (THÔNG BÁO) and a table of documents (VĂN BẢN/QUYẾT ĐỊNH/QUY CHẾ).

Trong phần thông tin cá nhân: Sinh viên có thể truy cập hồ sơ cá nhân để cập nhật các nội dung liên quan, xem kết quả học tập, điểm rèn luyện, kết quả thông tin đăng ký học, lịch thi và khai báo thông tin nội/ngoại trú

2.3 Khai báo thông tin Nội – Ngoại trú

- Click vào phần THÔNG TIN CÁ NHÂN -> KÊ KHAI THÔNG TIN NỘI/NGOẠI TRÚ

The screenshot displays the 'TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC' (University of Thai Nguyen Faculty of Science) portal. The 'THÔNG TIN CÁ NHÂN' (Personal Information) menu is highlighted, with red arrows pointing to the following options:

- Hồ sơ cá nhân (Personal Profile)
- Kết quả học tập (Academic Results)
- Điểm rèn luyện (Discipline Points)
- Thông tin lịch học (Class Schedule)
- Lịch thi sinh viên (Student Exam Schedule)
- Thông tin nội/ngoại trú (On/Off-Campus Information)
- Kê khai tiêm Vaccin (Vaccination Declaration)

The background shows a list of announcements (THÔNG BÁO) and a table of documents (VĂN BẢN/QUYẾT ĐỊNH/QUY CHẾ).

- Tiếp tục cập nhật như hướng dẫn

THÔNG TIN KÝ TÚC XÁ

Đã hết thời gian cập nhật thông tin

Thông tin ở KTX

STT	Số hợp đồng	Thời gian hợp đồng	Tòa nhà	Tầng
1	0	0 ngày	K13	1

Thông tin kê khai ra vào KTX [+ Thêm](#)

STT	Số hợp đồng	Thời gian hợp đồng	Tòa nhà	Tầng	Tên phòng KTX
-----	-------------	--------------------	---------	------	---------------

Thông tin kê khai ngoại trú [+ Thêm](#)

STT	Từ ngày	Tính	Huyện	Xã	Số nhà/Tổ	Tên chủ hộ	Điện thoại GD
-----	---------	------	-------	----	-----------	------------	---------------

Thông tin kê khai báo hỏng thiết bị [+ Thêm](#)

STT	Tòa nhà	Tầng	Tên phòng KTX	Thời gian	Nội dung
-----	---------	------	---------------	-----------	----------

Cập nhật thời gian bắt đầu ở trọ đối với sinh viên thuê trọ, đối với sinh viên đang ở với gia đình (*thường trú*) để thời gian mặc định là ngày khai báo.

2.4 Cập nhật thông tin cá nhân

SƠ YẾU LÝ LỊCH SINH VIÊN

[Lưu thông tin](#) [Đổi mật khẩu](#)

Mã sinh viên: DTZ1957320101001 Họ và tên: * Ngày sinh: 18/01/2001 Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Dao Tôn giáo:

Quê quán: TP BẮC CẠN - BẮC CẠN Ngày hết hạn Visa: dd/mm/yyyy

Số nhà: Mã số bảo hiểm: CMND: 095470043

Hệ đào tạo: Đại học chính quy Chuyên ngành: Báo Chí Đa Phương Tiện Niên khóa: 2019-2023 Khóa học: 17

ĐT nhà riêng: ĐT cá nhân: Email: DTZ1957320101001

Tỉnh/Thành phố thường trú: Bắc Kạn Quận/Huyện thường trú: Thành phố Bắc Kạn Xã thường trú: -- Xã --

Địa chỉ thường trú: DƯƠNG QUANG

Tỉnh/Thành phố nơi sinh: Bắc Kạn Quận/Huyện nơi sinh: -- Huyện -- Xã nơi sinh: -- Xã --

Địa chỉ báo tin:

Link Facebook:

2.5 Chấm điểm rèn luyện

CHỌN ĐÚNG HỌC KỲ VÀ NĂM HỌC

The screenshot shows the main portal of the University of Thái Nguyên. The top navigation bar includes links for TRANG CHỦ, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐĂNG KÝ, THÔNG TIN CÁ NHÂN, TÀI CHÍNH, BỘ PHẬN 1 CỬA, and KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ. A dropdown menu for 'THÔNG TIN CÁ NHÂN' is open, highlighting the 'Điểm rèn luyện' option. On the left, there is a 'THÔNG BÁO' section with various university announcements. On the right, there is a 'TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN' section.

The screenshot shows the 'In phiếu đánh giá rèn luyện' form. It contains a table with columns for 'Năm học 2019-2020', 'Năm học 2020-2021', and 'Năm học 2021-2022'. Each column has sub-columns for 'Kỳ 1', 'Kỳ 2', 'Tổng', and 'Xếp loại'. The 'Xếp loại' column shows 'Tốt' for 2019-2020 and 2020-2021, and 'Yếu' for 2021-2022. The 'Tổng khóa' column shows '80', '84', and '83' respectively. The 'Xếp loại khóa' column shows 'Tốt'. Below the table, there are dropdown menus for 'Học kỳ' and 'Năm học', and a 'Xem' button.

The screenshot shows the 'In phiếu đánh giá rèn luyện' form with the 'Học kỳ' dropdown menu open. The dropdown menu shows 'Kỳ 1' and 'Kỳ 2' options. The 'Năm học' dropdown menu is also open, showing '2019-2020', '2020-2021', and '2021-2022' options. The 'Xếp loại' column shows 'Tốt' for 2019-2020 and 2020-2021, and 'Yếu' for 2021-2022. The 'Tổng khóa' column shows '80', '84', and '83' respectively. The 'Xếp loại khóa' column shows 'Tốt'. Below the table, there are dropdown menus for 'Học kỳ' and 'Năm học', and a 'Xem' button.

Thông tin chi tiết điểm sinh viên

In phiếu đánh giá rèn luyện

Năm học 2019-2020				Năm học 2020-2021				Năm học 2021-2022				Tổng khóa		Xếp loại khóa
Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng	Xếp loại	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng	Xếp loại	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng	Xếp loại	Tổng khóa		
82	88	85	Tốt	80	89	84	Tốt	80	85	82	Tốt	84		Tốt
Học kỳ		Kỳ 1		Năm học		2022-2023				Xem				

82	88	85	Tốt	80	89	84	Tốt	80	40	Yếu	83	Tốt
Học kỳ		Kỳ 2				Năm học		2021-2022		 Xem		

STT	Kỳ hiệu	Nhóm tiêu chí	Tổng điểm	Nội dung	Tổng điểm	Kỳ hiệu con	Tiêu chí con	Điểm tiêu chí	Sinh viên đánh giá
1						I.1.1	- Tích cực phát biểu xây dựng bài	3	
2				1. Ý thức và thái độ trong học tập	9	I.1.1	- Đi học đầy đủ, nghiêm túc trong giờ học	3	
3						I.1.2	- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn	3	
4						I.1.1	- Thuộc diện cảnh báo học tập hoặc buộc thôi học	0	
5						I.2.1	- Điểm TBCTL dưới 2.00 nhưng chưa thuộc diện cảnh báo học tập	1	
6	I	I. Đánh giá ý thức học tập	20			I.2.2	- Điểm TBCTL từ 2.00 đến 2.49	2	
7				2. Điểm TBCTL học kỳ	5	I.2.3	- Điểm TBCTL từ 2.50 đến 3.19	3	
8						I.2.4	- Điểm TBCTL từ 3.20 đến 3.59	4	

34	VI	VI. Thường (phạt) vào tổng số điểm rèn luyện	0	1. Công điểm thưởng đối với sinh viên phấn đấu và có thành tích đặc biệt	24	VI.1.3	Đang trong học kì)	6					
35						VI.1.4	Có thành tích đặc biệt trong học tập và nghiên cứu khoa học được khen thưởng trong học kì (tính cấp cao nhất)(Khen thưởng cấp Khoa)	2					
36						VI.1.5	Có thành tích đặc biệt trong học tập và nghiên cứu khoa học được khen thưởng trong học kì (tính cấp cao nhất)(Khen thưởng cấp Trường)	5					
37						VI.1.6	Có thành tích đặc biệt trong học tập và nghiên cứu khoa học được khen thưởng trong học kì (tính cấp cao nhất)(Khen thưởng cấp Đại học)	7					
38						VI.1.7	Có thành tích đặc biệt trong học tập và nghiên cứu khoa học được khen thưởng trong học kì (tính cấp cao nhất)(Khen thưởng cấp Bộ trở lên)	10					
39						VI.1.8	Thuộc đối tượng được hưởng chế độ chính sách và có điểm TBC học kì đạt từ 3.0 trở lên (1-5 điểm)	5					
40						VI.1.9	Có xếp loại học tập tiến bộ hơn so với học kì trước (1-3 điểm)	3					
41						2. Trừ điểm đối với sinh viên bị kỉ luật	30	VI.2.1	Bị kỉ luật ở mức khiển trách trừ	-10			
42								VI.2.2	Bị kỉ luật ở mức cảnh cáo trừ	-20			
43	VI.2.3	Bị kỉ luật ở mức đình chỉ có thời hạn trừ	-30										
TỔNG ĐIỂM								0	0				
										Lưu điểm			

2.6 Xem điểm học tập

Sinh viên cần tiến hành đánh giá môn học khi xem điểm. Click "Đánh giá" để tiến hành đánh giá nếu chưa đánh giá !

Mã sinh viên:DTZ1957320101001

Xếp loại học tập (Hệ 4):Khá

Xếp loại học tập (Hệ 10):TB Khá

TBC học tập (Hệ 4):2.46

TBC tích lũy (Hệ 4):2.51

Số tín chỉ tích lũy:135 / 138

Số tín chỉ học tập:138

TBC tích lũy (Hệ 10):6.98

Điểm tốt nghiệp:

Xếp loại tốt nghiệp:

Số tín chỉ tích lũy: A / B

A: Tổng số tín chỉ các học phần tích lũy tính vào TBCHT Sinh viên đạt từ điểm D trở lên
B: Tổng số tín chỉ các học phần tính vào TBCHT Sinh viên đã học .

Học kỳ

--- Chọn học kỳ ---

Năm học

--- Chọn năm học ---

Ngành học

Chuyên ngành chính

Danh sách điểm học phần đã học

Xếp loại học tập (Hệ 4):Khá

Xếp loại học tập (Hệ 10):TB Khá

TBC học tập (Hệ 4):2.46

TBC tích lũy (Hệ 10) lần 1:6.98

TBC tích lũy (Hệ 4):2.51

Số tín chỉ tích lũy:135 / 138

Số tín chỉ học tập:138

TBC tích lũy (Hệ 10):6.98

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Hệ số	Điểm thành phần	Điểm thi	TBCHP	Điểm số	Điểm chữ	Môn tự chọn	Ch
HFJ431	Kỹ năng phỏng vấn	3	1	CC : 5 - KT : 5	5	5	1	D		
ICS231	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	3	1	CC : 10 - KT1 : 8	6	7.2	3	B		
PHE131	Giáo dục thể chất 1	1	1	CC : 10 - KT1 : 6	10	9.2	4	A		
HIC132	Lịch sử văn minh thế giới	3	1	CC : 8.5 - KT1 : 8	6	6.9	2	C		
PVN331	Tiếng Việt thực hành	3	1	CC : 10 - KT1 : 8	6	7.2	3	B		
ENG141	Tiếng Anh 1	4	1	CC : 8 - KT1 : 8	3.3	5.2	1	D		
CTO332	Kỹ năng giao tiếp	3	1	CC : 10 - KT1 : 9	7	8	3	B		
VCF332	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	1	CC : 10 - KT1 : 9	7	8	3	B		
PHE132	Giáo dục thể chất 2	1	1	CC : 10 - KT1 : 4	5	5.8	2	C		
LIW322	Pháp luật đại cương	2	1	CC : 8 - KT1 : 8.5	2.5	4.8	1	D		
TPW431	Tác phẩm báo chí	3	1	CC : 8 - KT1 : 7	8	7.8	3	B		
GIF131	Tin học đại cương	3	1	CC : 9 - KT1 : 7.5	5.5	6.6	2	C		

2.7 Tài chính: Thông tin về học phí của sinh viên.

TRANG CHỦ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ĐĂNG KÍ

THÔNG TIN CÁ NHÂN

TÀI CHÍNH

BỘ PHẬN 1 CỬA

TRA CỨU

KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ

Trang chủ / Thông tin tài chính

Tổng số tiền học phí phải nộp:1.620.000 đ

Tổng số tiền học phí đã nộp:1.620.000 đ

Số tiền thừa/thiếu học phí:0 đ

Số tiền điện thừa/thiếu:291.639 đ

Số tiền nước thừa/thiếu:141.866 đ

Số tiền phòng KTX thừa/thiếu:900.000 đ

Số tiền điện nước thừa/thiếu:311.272 đ

Học kỳ	Năm học	Mức học phí	Miễn giảm	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp
2	2019-2020	0 đ	0 đ	0 đ	0 đ
1	2020-2021	0 đ	0 đ	0 đ	0 đ
2	2020-2021	0 đ	0 đ	0 đ	0 đ
1	2021-2022	810.000 đ	0 đ	810.000 đ	0 đ
3	2021-2022	0 đ	0 đ	0 đ	0 đ
1	2023-2024	0 đ	0 đ	0 đ	0 đ
3	2023-2024	0 đ	0 đ	0 đ	0 đ
2	2021-2022	4.590.000 đ	4.590.000 đ	0 đ	810.000 đ
1	2022-2023	4.860.000 đ	4.860.000 đ	0 đ	0 đ
2	2022-2023	4.590.000 đ	4.590.000 đ	0 đ	0 đ
3	2022-2023	810.000 đ	0 đ	810.000 đ	810.000 đ

Học kỳ	Năm học	Khoản thu khác	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp
1	2022-2023	Tiền ký túc xá	400.000 đ	0 đ
1	2022-2023	Tiền điện nước tháng 9	88.748 đ	0 đ
1	2022-2023	Tiền điện nước tháng 10	66.153 đ	0 đ
1	2022-2023	Tiền điện nước tháng 11	75.971 đ	0 đ
1	2022-2023	Tiền điện nước tháng 12	24.840 đ	0 đ